

#	HCMUS ID	AUT ID	Family Name	First name	Note	04-Sep-18	05-Sep-18	06-Sep-18	07-Sep-18	Note
						Morning Room: 11F	Morning Room: 11F	Morning Room: 11F	Morning Room: 11F	
1	1659001	18021719	NGUYEN DAO PHUOC	AN	Cycle 10					
2	1659005	18021530	PHAM CONG	DANH	Cycle 10					
3	1659009	18021569	TO KY	HAI	Cycle 10					
4	1659011	18021912	LE MINH	HIEU	Cycle 10					
5	1659012	18021560	LE NGUYEN HAN	HOAN	Cycle 10					
6	1659013	18021967	TRAN LE	HUNG	Cycle 10					
7	1659015	18021653	TRAN DUC	HUY	Cycle 10					
8	1659016	18025548	LAM THAI GIA	HUY	Cycle 10					
9	1659017	18020459	LAM AI	JIN	Cycle 10					
10	1659019	18021911	NGUYEN TUNG	LAM	Cycle 10					
11	1659020	18022062	NGUYEN DANG GIA	LOC	Cycle 10					
12	1659021	18022028	NGO TA HOANG	MINH	Cycle 10					
13	1659022	18022057	HAN TO HOANG	NAM	Cycle 10					
14	1659023	18021702	NGUYEN HOANG	NAM	Cycle 10					
15	1659024	18023128	NGUYEN HOANG	NAM	Cycle 10					
16	1659026	18021580	NGUYEN MINH	QUAN	Cycle 10					
17	1659027	18022052	PHAM XUAN	SON	Cycle 10					
18	1659028	18021838	NGUYEN QUOC	THIEN	Cycle 10					
19	1659029	18021762	TRAN HUNG	THINH	Cycle 10					
20	1659032	18021961	PHAN HUYNH DUC	TRUNG	Cycle 10					
21	1659034	18021954	DO THIEN	Y	Cycle 10					
22	1559010	18021517	HOANG MINH	DUNG	Cycle 10					
23	1559031	18022053	VU QUANG	MINH	Cycle 10					
24	1459019	18021546	NGUYEN NGUYEN	HOANG	Cycle 10					
25	1459020	18021856	CHAU DUC	HOI	Cycle 10					
26	1459002	16944012	LE HAI	ANH	Cycle 10					
27	1359032	18021534	HUYNH QUOC	HUY	Cycle 10					
28	1459030	17983813	PHAM THANH	LIEM	Cycle 9					Retake
29	1459026	17984072	PHAM SY	LAM	Cycle 9					Retake
30	1259018		DUONG HOANG TUAN	KIET	Cycle 10					